

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/DS - PT

Ngày: 30/12/2022

*“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản trên đất và hợp đồng giao khoán”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Thẩm phán : Ông Hoàng Quý Sửu và bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 27 và ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLPT - DS ngày 10/10/2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và hợp đồng giao khoán.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS - ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72/2022/QĐXX-PT ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn N, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Xóm BV, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; Dân tộc: Kinh; Văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Mai Tiến D, sinh năm 1977 và ông Tạ Quang T, sinh năm 1983, đều là Luật sư - Công ty Luật TNHH ĐT - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Phòng 4518 Tòa C2 Vinhomes D'Capitale TDH, CG, Hà Nội (Luật sư D và luật sư T có mặt tại phiên tòa);

2. Bị đơn: Tổng Công ty LN Việt Nam - Công ty cổ phần.

Địa chỉ trụ sở: Số 127 LĐ, phường ĐM, quận HBT, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc K - Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Thị Phong L, sinh năm 1978;

+ Bà Nguyễn Thị Kiều D1, sinh năm 1995;

Đều là Cán bộ Tổng Công ty LN Việt Nam- Công ty cổ phần.

(Bà L, bà D1 vắng mặt tại phiên tòa)

+ Ông Phạm Huy B, sinh năm 1980; Chức vụ hiện nay: Giám đốc Công ty LN Thái Nguyên- Chi nhánh của Tổng Công ty LN Việt Nam- Công ty cổ phần (Có mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1978 (Vợ ông N). Nơi cư trú: Xóm BV, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt tại phiên tòa)

4. Người làm chứng: Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Xóm BV, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, ông Đặng Văn N trình bày:

Năm 1996 vợ chồng ông N, bà M vào khu Khe Châm khai hoang trồng chè, mỗ, sắn. Năm 1998 được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho 01 sổ bìa xanh gồm 02 lô thuộc lô số 106 với tổng diện tích 14,9 ha; diện tích đất gia đình ông N đang canh tác thuộc lô 3 khoảnh 5 là 9,8 ha. Trong đó diện tích sử dụng khoảng 07 ha (gồm canh tác và mở đường). Cùng sổ là lô 1B khoảnh 6 diện tích 5,1 ha. Trong đó diện tích cải tạo, canh tác và mở đường khoảng 3 ha, tất cả thuộc tiểu khu 413. Tổng diện tích: 36,8 ha.

Năm 2007 vợ chồng ông N, bà M trồng xong rừng được nhà nước giao sổ bìa xanh. Tại thời điểm đó đất bỏ hoang nhiều, gia đình thiếu đất canh tác nên vợ chồng ông N, bà M tự bỏ vốn đầu tư trồng thêm 16 ha. Trong đó mở đường từ chân lô lên, đoạn đường dài khoảng 1,5km rộng 6 mét.

Năm 2014 vợ chồng ông N, bà M bỏ vốn trồng keo đến thời kỳ được khai thác thì Công ty LN Thái Nguyên đưa cho gia đình ông N, bà M bản hợp đồng bất ký vào không có diện tích, số lô, số khoảnh và số liệu rõ ràng. Năm 2016 toàn bộ diện tích đất rừng ông N, bà M khai hoang từ năm 2006- 2007, Công ty ép gia đình ông N, bà M ký bản hợp đồng như năm 2014 mới được khai thác, vận chuyển gỗ để bán.

Kể từ khi được nhận giao đất, giao rừng từ Lâm trường và khai khẩn thêm, T đến năm 2018 tổng số tiền ông N, bà M bỏ ra đầu tư, ươm cây, trồng cây khoảng 25.000.000 đồng/1 ha và số tiền mở đường là 350.000.000 đồng trên diện tích khoảng 26 ha.

Nay Công ty LN Thái Nguyên cho rằng toàn bộ diện tích 26 ha đất rừng trồng từ năm 1996 đến nay nằm trong diện tích đất của Công ty LN Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên giao quản lý, sử dụng thuộc diện tích đất được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất là không có căn cứ. Công ty Lâm nghiệp chỉ dựa vào các bản hợp đồng để trống tất cả mọi thông tin mà trước đây Công ty đã L1 dụng sự thiếu hiểu biết để buộc ông N, bà M ký khống để xác lập quyền quản lý và sử dụng đất, đặt ra mức giao khoán căn cứ vào việc khai thác rừng của gia đình ông N, bà M là trái pháp luật.

Ngày 23/12/2019 ông N đã nộp đơn khởi kiện Tổng Công ty LN Việt Nam- Công ty cổ phần ra Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đề nghị Tòa án:

+ Xác nhận 36,16 ha đất rừng được đo ngày 16/10/2018 là của vợ chồng ông N, bà M. Trên đất vợ chồng ông đã trồng cây và mở đường từ trước đến

nay, trong đó có số diện tích gia đình ông khai hoang, mở đường nằm tại thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2016 của xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông và gia đình ông có quyền khai thác, sử dụng.

+ Tuyên hủy các bản hợp đồng gia đình ông N đã ký với Công ty LN Thái Nguyên từ năm 2011 là vô hiệu do bị lừa dối.

+ Tuyên hủy những GCNQSD đất của Công ty LN Việt Nam mà đã được cấp chồng lấn lên toàn bộ diện tích 26 ha của gia đình ông N, bà M.

Ông N, bà M nhất trí với kết quả đo đạc của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo vẽ vị trí đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/12/2020.

*** Đại diện theo ủy quyền của Tổng Công ty LN Việt Nam- ông Phạm Huy B trình bày:** Tổng Công ty LN Việt Nam không đồng ý với những yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn lý do:

- Thứ nhất về nguồn gốc đất: Là đất của Tổng Công ty LN Việt Nam- CTCP- chi nhánh Công ty LN Thái Nguyên (Sau đây gọi tắt là “Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên”, “Công ty”) quản lý có nguồn gốc được ghi nhận qua các văn bản sau:

- Quyết định số 11TCCQ ngày 12/1/1973 về việc Hợp nhất 2 Lâm trường Phúc Trìu và Trại Cau thành LT Đồng Hỷ

- Quyết định số 634UB.QĐ ngày 8/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái v/v thành lập doanh nghiệp Nhà nước lâm trường Đồng Hỷ tổng diện tích được giao tại huyện Đồng Hỷ là 13.065ha

- Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên v/v chuyển giao lâm trường Đồng Hỷ về Tổng Công ty LN Việt Nam bàn giao nguyên trạng, nguyên canh nguyên cư về TCT Lâm nghiệp Việt Nam; Biên bản bàn giao Lâm trường Đồng Hỷ thuộc sở NN và PTNT Thái Nguyên về Tổng công ty Lâm nghiệp Việt nam.

- Quyết định số 231/QĐ/BNN, TCCB ngày 20/1/1999 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 248/QĐ/BNN-TCCB ngày 28/1/2003 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty LN Thái Nguyên và bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty Ván Dăm Thái Nguyên

- Quyết định số 141HĐQT/TCLĐ/QĐ ngày 10/6/2004 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp VN v/v hợp nhất Lâm trường Đồng Hỷ và Lâm trường Phú B trực thuộc Công ty Ván Dăm Thái Nguyên.

Công văn số 34 CTVD/CV ngày 21/1/2005 V/v tăng cường biện pháp quản lý sử dụng rừng và đất rừng Công văn đã gửi đến sở ban ngành, UBND huyện Đồng Hỷ, Chi cục Kiểm Lâm, Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ, các xã Khe Mo, Văn Hán, Cây Thị, Tân L1, HT với nội dung trước đây Lâm trường Đồng Hỷ giao đất, giao rừng bằng sổ “Lâm bạ” đến ngày 30/03/2005 không còn giá trị mà chuyển thành hình thức “Hợp đồng giao khoán”.

- Công văn số 1294/UBND-NLN ngày 28/11/2005 V/v phối hợp giải quyết vùng nguyên liệu của nhà máy Ván dăm Thái Nguyên với các ngành, các cấp chính quyền trong tỉnh Thái Nguyên

- Kết luận thanh tra số 1655/STNMT-TTr ngày 17/7/2009 của Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc chấp hành luật về đất đai đối với Công ty Ván dăm Thái Nguyên ngày 22/12/1998.

- Quyết định số 1386/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 24/5/2010 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v chuyển đổi Công ty Ván Dăm Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Lâm nghiệp VN thành Công ty TNHH một thành viên.

- Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/2/2011 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc cấp GCN cho Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên, tại xã HT, huyện Đồng Hỷ với diện tích được cấp 12.919.983,0m²;

- Giấy chứng nhận QSD đất của UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011 tại xã HT;

- Quyết định số 259/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13/2/2012 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT v/v sáp nhập Công ty TNHH một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên vào Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp VN.

- Quyết định số 121/QĐ/HĐTV-TCLĐ ngày 06/03/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên TCT lâm nghiệp VN v/v thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lâm nghiệp VN - Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên

- Văn bản số 3231/UBND - NC ngày 21/11/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng đất sau khi cổ phần hóa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên.

- Quyết định số 1136/QĐ/HĐTV-UBND ngày 21/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên v/v thu hồi đất do Chi nhánh TCT lâm nghiệp VN

- Công ty LN Thái Nguyên tự nguyện trả lại, giao đất cho UBND các xã HT, Tân L1, Cây Thị, Văn Hán, Khe Mo huyện Đồng Hỷ để quản lý theo quy hoạch.

- Quyết định 215 /QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02 tháng 03 năm 2016 về việc phê duyệt phương án Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

- Công văn số 643/UBND-TNMT ngày 20/5/2016 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc tăng cường công tác phối hợp thực hiện lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và cấp GCNQSD đất đối với Công ty LN Thái Nguyên năm 2016

- Thông báo số 38- TB/TCT-VP ngày 09/9/2016 của Tổng Giám đốc TCT Lâm nghiệp VN v/v chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần, giới thiệu mẫu dấu, các chức danh và chữ ký.

Thứ hai, về hợp đồng giao khoán: Công ty LN Thái Nguyên có ký hợp đồng giao khoán trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng từ năm 2014-2016 cho ông Đặng Văn N với tổng diện tích là 13,84 ha đất tại tiểu khu 195, thửa 30, tờ bản đồ số 1 bản đồ giải thửa địa chính xã HT đo năm 2006.

Việc ký hợp đồng giao khoán dựa trên sự tự nguyện của các bên, căn cứ trên đơn yêu cầu đề nghị giao khoán của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán cho hộ dân.

Đối với diện tích 7,40 ha mà ông Đặng Văn N đã ký hợp đồng với Công ty LN Thái Nguyên hiện trạng còn rừng: Hợp đồng số 18 ký ngày 06/6/2016 tại Lô C9, Khoảnh 1, Tiểu khu 195, diện tích 3,70ha; lô C11, khoảnh 3, Tiểu khu 195, diện tích 2,50 ha; lô A27, khoảnh 5, tiểu khu 195, diện tích 1,20ha.

Yêu cầu chủ hộ thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng đã ký. Sau khi thanh lý hợp đồng trả lại đất để Công ty LN Thái Nguyên tự tổ chức trồng rừng cho chu kỳ tiếp theo. Đối với diện tích 5,75 ha mà ông Đặng Văn N đã ký hợp đồng với Công ty LN Thái Nguyên nhưng chủ hộ đã khai thác rừng trái pháp luật, tự ý trồng rừng năm 2021 là Lô A12, Khoảnh 8a, Tiểu khu 195, diện tích: 1,15 ha thuộc hợp đồng số 20 ký ngày 04/02/2014 và Lô C25, Khoảnh 8a, Tiểu khu 195, diện tích: 4,60 ha thuộc hợp đồng số 18 ký ngày 06/6/2016.

Thứ ba, về hiện trạng sử dụng đất:

Căn cứ biên bản làm việc ngày 16/10/2018 giữa Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, UBND xã HT và Hộ nhận khoán ông Đặng Văn N, tổng diện tích hộ ông Đặng Văn N đang canh tác trên đất của Công ty LN Thái Nguyên quản lý là 36,16 ha, trong đó: Công ty đã giao khoán bằng hợp đồng cho hộ ông Đặng Văn N **13,84 ha**, hộ ông Đặng Văn N đang lấn chiếm **22,32 ha**. Đối với diện tích Công ty chưa giao khoán cho hộ ông Đặng Văn N đang lấn chiếm tự đầu tư, Công ty đã đề nghị ông N ký hợp đồng nhận khoán với Công ty trong năm 2018 nhưng hộ ông N chống đối không ký. Hộ ông Đặng Văn N không có căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang lấn chiếm của Công ty.

Thứ tư, về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện là công nhận diện tích 34,91 ha bao gồm 14,90 ha đất được cấp sổ xanh ở lô 3 và lô 1b tiểu khu 413 huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và 20,1 ha đất tự khai hoang thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1 huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và toàn bộ cây trên đất thuộc quyền sử dụng quyền sở hữu của gia đình nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn không xuất trình tài liệu về hiện trạng đo ngày 03/10/2018 để làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn cũng không xuất trình căn cứ cũng như trong tài liệu kèm theo đơn khởi kiện không có bất kỳ văn bản nào ghi nhận quyền sử dụng. Việc ký hợp đồng giao khoán dựa trên sự tự nguyện của các bên và căn cứ trên nhu cầu của hộ dân thì Công ty mới thực hiện ký kết hợp đồng giao khoán. Trong khi đó, Tổng Công ty có toàn quyền sử dụng, chiếm hữu và giao khoán trồng rừng đối với diện tích đất tranh chấp cùng những căn cứ sử dụng hợp pháp như đã nêu trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông N là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện của ông N về việc công nhận diện tích **34,91 ha** bao gồm **14,90 ha** đất được cấp sổ xanh ở lô 3 và lô 1b tiểu khu 413 huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và **20,1 ha** đất tự khai hoang thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1 huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên và toàn bộ cây trên đất đã ký hợp đồng với công ty thuộc quyền sử dụng quyền sở hữu của gia đình nguyên đơn. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp mà ông N khởi kiện Tổng Công ty

LN Việt Nam được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc xác định là **240.776,4 m²**. Tổng Công ty LN Việt Nam nhất trí với kết quả đo đạc.

Tổng Công ty LN Việt Nam- Công ty cổ phần có thiện chí hai bên thỏa thuận với nhau. Đối với phần diện tích ông ông N đang quản lý, sử dụng và phần đất ông N đã nhận giao khoán với Công ty, phía công ty sẽ vẫn cho tiếp tục quản lý, sử dụng và khai thác nhưng ông N phải có đơn xin nhận khoán, ký hợp đồng giao khoán, phải nộp sản lượng với công ty theo các mô hình khoán như những hộ khác.

Tổng Công ty LN Việt Nam không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu giải quyết các Hợp đồng giao khoán đã ký kết với nguyên đơn.

Nếu sau này phát sinh tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng giao khoán thì Tổng Công ty LN Việt Nam sẽ khởi kiện vụ án riêng.

Ý kiến của người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Thị M (vợ ông N) nhất trí với ý kiến của ông N và người bảo vệ quyền L1 của ông N.

Ý kiến của người làm chứng: Ông Phạm Văn T2 trình bày: Tôi là Đội trưởng đội sản xuất của Công ty Lâm nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021. Liên quan đến việc ký các Hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ ông Đặng Văn N (Ngô Thị M) đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo Hợp đồng đã ký là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký không với các hộ dân. Nay các hộ cho rằng Công ty ép các hộ ký không là không đúng.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 14/2022/DS - ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N đề nghị Công nhận 36,16 ha đất rừng và toàn bộ cây rừng trên đất là của ông, vì vị trí đất được Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo đạc xác định diện tích đất tranh chấp là **240.776,4 m²** tương đương **24,07 ha** đất trồng rừng thuộc thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xóm BV, xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là đất của Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam.

*** Phần diện tích tại vị trí thứ nhất thuộc (khoảnh K8a, tiểu khu 413) thửa 30 tờ bản đồ số 1 xóm BV, xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 86.841,7 m² (BL 146).**

+ Phía Bắc: 1 phần giáp với đất ông Nguyễn Đức T, 1 phần giáp đất bà Nông Thị Hoa đang sử dụng;

+ Phía Nam: 1 phần giáp với đất ông Nguyễn Đức T, 1 phần giáp đất ông Nguyễn Chí Cường đang sử dụng ;

+ Phía Đông giáp khe suối.

+ Phía Tây giáp với thác. Trên đất trồng chè, trồng keo, trồng phân.

Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

*** Phần diện tích tại vị trí thứ hai thuộc (khoảnh K1, K3, tiểu khu 415) thửa 30 tờ bản đồ số 1 xóm BV, xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 114.997,9 m² (BL 147).**

+ Phía Bắc: 1 phần giáp với đất ông Phan Đức H1, 1 phần giáp đất ông Trần Văn T4 đang sử dụng;

+ Phía Đông 1 phần giáp với đất ông Lý Văn L1, 1 phần giáp đất ông Dương Tuấn H2 đang sử dụng;

+ Phía Nam và 1 phần phía Tây giáp với đất ông Dương Tuấn H2 đang sử dụng;

+ Phía Tây 1 phần giáp với đất ông Hoàng Văn H2

Trên đất chỉ trồng keo, đường kính trung bình 50-55 cm (5 năm tuổi). Trung bình 1.600 cây/ha. Mật độ Trung bình 1.600 cây/ha

Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

*** Phần diện tích tại vị trí thứ ba thuộc (khoảnh K5 tiểu khu 413) thửa 30 tờ bản đồ số 1 xóm BV, xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 35.936,8 m² (BL 145)**

+ Phía Bắc: Giáp đường đi của Công ty của Công ty Lâm nghiệp;

+ Phía Nam: Giáp đường đi

+ Phía Đông 1 phần giáp với đất ông Lý Văn L1, 1 phần giáp đất ông Dương Tuấn H1 đang sử dụng;

+ Phía Tây giáp với đất ông Tô Minh T5 đang sử dụng;

Trên đất chỉ trồng keo đường kính trung B 60cm (7 năm tuổi). Trung B 1.600 cây/ha. Ranh giới đất tiếp giáp các hộ lân cận đều có đường biên.

(Có bản trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao khoán mà ông cho rằng bị ép ký không từ năm 2011.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty LN Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

4. Về chi phí tố tụng: ông N, bà M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 32.200.000 đồng (đã chi phí xong).

5. Về án phí: Ông Đặng Văn N bà Ngô Thị M liên đới chịu 75.339.752 đồng *(Bảy mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng)* án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2022 ông Đặng Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đặng Văn N vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Nguyên đơn Đặng Văn N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đã được cấp bì xanh là 14,9ha.

Phía bị đơn công ty Lâm nghiệp Việt Nam- Công ty cổ phần, đại diện theo ủy quyền ông Phạm Huy B, không nhất trí với phần rút một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày: Đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Đặng Văn N hủy bản án dân sự sơ thẩm số 14 ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Với lý do: Cấp sơ thẩm vi phạm về việc thu thập chứng cứ (bản đồ địa chính số 01 xã HT); Không đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng; Không triệu tập UBND xã HT tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng để làm rõ UBND xã HT quản lý đất rừng đến đâu?; Nguyên đơn có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển hồ sơ đến Tòa án cấp tỉnh giải quyết là sai thẩm quyền; Không thể hiện diện tích đất tranh chấp nằm tại thửa đất nào; Không giám định hợp đồng giao khoán giữa Công ty và gia đình nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Văn N. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Đặng Văn N và lời trình bày của Luật bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Văn N, thấy:

[2.1]: Nguyên đơn Đặng Văn N khởi kiện yêu cầu xác nhận 36,16 ha đất rừng được đo ngày 16/10/2018 là của vợ chồng ông N, bà M. Trên đất vợ chồng ông đã trồng cây và mở đường từ trước đến nay, trong đó có số diện tích gia đình ông khai hoang, mở đường nằm tại thửa 30, tờ bản đồ số 1, bản đồ giải thửa năm 2016 của xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông đồng thời xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông và gia đình ông có quyền khai thác, sử dụng. Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1]: Lâm trường Đồng Hỷ được thành lập ngày 12/01/1973. Năm 1992 Lâm Trường Đồng Hỷ trực thuộc Sở lâm nghiệp Bắc Thái, tổng diện tích đất rừng được giao 13.065ha theo Quyết định số 634/UB-QĐ ngày 8/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái. Năm 1998 Lâm trường Đồng Hỷ trực thuộc Tổng Công ty LN Việt Nam quản lý. Năm 1999 được đổi tên Lâm trường Đồng Hỷ thành Công ty LN Thái Nguyên trực thuộc Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam.

Năm 2003 sáp nhập Công ty vận tải và kinh doanh lâm sản Việt Trì vào Công ty LN Thái Nguyên và đổi tên Công ty LN Thái Nguyên thành Công ty ván dăm Thái Nguyên. Năm 2012 sáp nhập Công ty ván dăm Thái Nguyên vào Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam. Ngày 15/2/2011 UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BA 866776 thửa đất số 30; tờ bản đồ số 1; diện tích 6.481.800 m²; mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất; Thời hạn sử dụng 15/10/2043.

[2.1.2]: Năm 1996 vợ chồng ông N, bà M vào khu Khe Châm khai hoang trồng chè, mỡ, sắn. Năm 1998 được Lâm trường Đồng Hỷ giao cho 01 sổ bìa xanh gồm 02 lô thuộc lô số 106 với tổng diện tích 14,9 ha; diện tích đất gia đình ông N đang canh tác thuộc lô 3 khoảnh 5 là 9,8 ha. Trong đó diện tích sử dụng khoảng 07 ha (gồm canh tác và mở đường). Cùng sổ là lô 1B khoảnh 6 diện tích 5,1 ha. Trong đó diện tích cải tạo, canh tác và mở đường khoảng 3 ha, tất cả thuộc tiểu khu 413. Tổng diện tích: 36,8 ha. Năm 2007 vợ chồng ông N, bà M trồng xong rừng được nhà nước giao sổ bìa xanh. Tại thời điểm đó đất bỏ hoang nhiều, gia đình thiếu đất canh tác nên vợ chồng ông N, bà M tự bỏ vốn đầu tư trồng thêm 16 ha. Trong đó mở đường từ chân lô lên, đoạn đường dài khoảng 1,5 km rộng 6 mét. (bản tự khai và lời khai của ông N tại phiên tòa)

[2.1.3.]: Theo kết quả đo vẽ của Công ty TNHH Hà Nguyên Châu đo xác định tổng diện tích đất tranh chấp xác định là **240.776,4m²**. Trong đó **214.720,1m²** thuộc thửa 30 tờ bản đồ số 01; đất được ghi trong GCNQSD đất của Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp GCNQSD đất ngày 15/02/2011, số **BA 866776** tại thửa 30 tờ bản đồ số 1 có diện tích **6.481.800m²** (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi một nghìn, tám trăm mét vuông*) và thửa số 2 (diện tích: **13.768,6m²**) và thửa số 401 tờ bản đồ số 3 (diện tích: **12.287,7m²**) là diện tích Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thuộc diện tích Công ty được giao tại Quyết định số 634UB.QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước lâm trường Đồng Hỷ). Căn cứ theo bản đồ kiểm kê năm 2004 do sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên phê duyệt, hai vị trí trên thuộc lô 4 - hiện trạng IA và lô 5 - hiện trạng rừng 327, khoảnh 6, tiểu khu 413 (nay là tiểu khu 195). (*Có sơ đồ kèm theo*)

[2.1.4.]: Như vậy có đủ căn cứ xác định đất có nguồn gốc của Lâm trường Đồng Hỷ được Nhà Nước giao quản lý để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nghề rừng, có quyết định giao đất với tổng diện tích đất được giao là 13.065ha từ năm 1992. Gia đình ông Đặng Văn N cho rằng được nhận đất rừng được cấp bìa xanh, tuy nhiên thực tế gia đình chỉ được sử dụng và giao nộp sản phẩm cho Công ty, không phải được cấp quyền sử dụng đất.

[2.1.5]: Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, gia đình ông Đặng Văn N không cung được bất cứ tài liệu gì chứng minh về việc khai hoang đất rừng năm 2006.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư 52/2014/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thì đất khai hoang là đất đang để hoang

hóa, đất khác đã quy hoạch cho sản xuất nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Văn bản trả lời của Hạt kiểm lâm Đồng Hỷ, xác định hiện trạng sử dụng đất của 11 hộ gia đình đang tranh chấp trong đó có ông N, đều thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất, hiện trạng là rừng trồng. UBND xã HT xác định diện tích đất 11 hộ đang tranh chấp với Tổng Công ty LN Việt Nam không nằm trong diện tích đất mà Công ty trả về cho địa phương theo Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thu hồi đất. Hồ sơ địa chính các thời kỳ của xã HT không có hồ sơ lưu trữ hay các căn cứ pháp lý về việc công nhân, nhân dân tự khai hoang diện tích đất rừng. Không có việc người dân đến kê khai hoặc xin được khai hoang đất đối với diện tích đất của 11 hộ đang tranh chấp với Công ty Lâm nghiệp.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ (theo chỉ dẫn của ông N): Diện tích đất ông N đang tranh chấp với Công ty LN Thái Nguyên thuộc thửa số 30, tờ bản đồ số UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên nay thuộc Tổng Công ty LN Việt Nam- Công ty cổ phần và thửa số 3 tờ bản đồ số 2; thửa 401 tờ số 3 là đất Công ty được giao tại Quyết định số 634UB.QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước lâm trường Đồng Hỷ.

Do vậy, ông N cho rằng khai hoang được diện tích đất thuộc diện tích đất do Công ty LN Thái Nguyên quản lý và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]: Về yêu cầu Tuyên hủy GCNQSD đất của Công ty LN Thái Nguyên- chi nhánh của Tổng Công ty LN Việt Nam- Công ty cổ phần. Hội đồng xét xử thấy:

Trên cơ sở nguồn gốc đất được giao cho Lâm trường Đồng Hỷ, đến năm 2011 thì Công ty TNHH Một thành viên ván dăm tiến hành làm các thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy rằng: Tổng Công ty LN Việt Nam được tiếp nhận nguyên trạng Lâm trường Đồng Hỷ tại Quyết định số 3225/QĐ-UB ngày 14/11/1998 của UBND tỉnh Thái Nguyên, diện tích rừng và đất rừng được giao là 13.065ha. Sau đó Lâm trường Đồng Hỷ được đổi tên thành Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên. Ngày 28/01/2003 Công ty LN Thái Nguyên được đổi tên là Công ty Ván dăm Thái Nguyên. Sau khi nhận được hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Ván dăm Thái Nguyên, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiến hành kiểm tra hồ sơ và hiện trạng sử dụng đất của Công ty, trích lục bản đồ địa chính các thửa đất và Sở Tài Nguyên và Môi trường trình cấp có thẩm quyền là UBND tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván dăm Thái Nguyên là đúng quy định của pháp luật. Như vậy không có căn cứ hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp cho Công ty TNHH một thành viên Ván dăm Thái Nguyên như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[2.3] Về yêu cầu của ông Đặng Văn N đề nghị Tòa án tuyên hủy tất cả các bản hợp đồng gia đình đã ký với Công ty LN Thái Nguyên từ năm 1998 là vô hiệu do bị lừa dối, bị ép ký không, Hội đồng xét xử thấy:

[2.3.1]: Về hồ sơ giao đất giao rừng mang tên Đặng Văn N do Lâm trường Đồng Hỷ, Thái Nguyên cấp ngày 20/7/1998 có đơn xin nhận đất, nhận rừng; Biên bản giao rừng và đất rừng với diện tích 14,90 ha; Sau đó ông Đặng Văn N tiếp tục ký các Hợp đồng giao nhận khoán cụ thể là:

+ Hợp đồng số 20/2014-HĐ ký ngày 04/02/2014 tại lô A12, khoảnh 8A, tiểu khu 195, diện tích 1,15 ha (11.500 m²).

+ Hợp đồng số 18/2016-HĐ ký ngày 06/6/2016 tại lô C25, khoảnh 8A, tiểu khu 195, diện tích 4,60 ha (46.000 m²).

+ Hợp đồng số 143/CT-LN-HĐTR ký ngày 06/10/2021 tại lô A27, khoảnh 5, tiểu khu 195, diện tích 1,20 ha (12.000 m²).

+ Hợp đồng số 18/2016-HĐ ký ngày 06/6/2016 gồm 02 lô: Lô C9 và lô C11, khoảnh 1 và khoảnh 3, tiểu khu 195, diện tích 6,20 ha (62.000m²).

[2.3.2]: Những Hợp đồng giao nhận khoán của ông N ký với Công ty Lâm nghiệp năm 2014, 2016, 2021 đều dựa trên cơ sở của Đơn xin nhận khoán; các Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng do ông Đặng Văn N trực tiếp ký với Công ty Lâm nghiệp đều có xác nhận của UBND xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

[2.3.3]: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N thừa nhận tất cả các hợp đồng giao khoán đúng là chữ ký của ông nhưng là do bị ép ký, bị công ty cho ký không, hợp đồng không ghi số lô, số thửa. Hơn nữa ngoài việc ông N trực tiếp ký Hợp đồng giao nhận khoán với Công ty Lâm nghiệp, gia đình ông còn trực tiếp ký vào đơn xin nhận khoán của các năm 2014, 2016, 2021 và các phiếu nghiệm thu chăm sóc bảo vệ rừng nguyên liệu của các năm ký hợp đồng.

[2.3.4]: Như vậy việc ký Hợp đồng giao nhận khoán trồng rừng giữa ông Đặng Văn N với Công ty Lâm nghiệp là hoàn toàn tự nguyện giữa bên có đất để giao khoán và bên nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng, không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng đã ký là hợp pháp. Từ khi ông N ký Hợp đồng nhận khoán và ký các năm tiếp theo với Công ty Lâm nghiệp, ông bà không có ý kiến thắc mắc gì. Khi khởi kiện ra Tòa ông bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị ép ký, bị ký không vào các hợp đồng giao nhận khoán với Công ty, lời trình bày của bà Mến không có căn cứ, mặt khác ông Phạm Văn T2, là đội trưởng đội sản xuất lâm nghiệp của Công ty LN Thái Nguyên thời điểm từ năm 2013-2021 khai: *“Liên quan đến việc ký các hợp đồng giao nhận khoán giữa hộ ông (bà) Đặng Văn N (Ngô Thị M) đã nhận khoán trồng rừng trên diện tích đất theo hợp đồng là đất của Công ty Lâm nghiệp hiện nay. Việc nhận khoán của các hộ dân là tự nguyện, đến thời kỳ khai thác thì nộp sản theo thỏa thuận ký kết trong hợp đồng, không có việc Công ty ép ký hay ký không với các hộ dân. Nay các hộ dân cho rằng Công ty ép các hộ ký không là không đúng”*. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung yêu cầu hủy các hợp đồng giao khoán giữa ông Đặng Văn N và Công ty Lâm Nghiệp.

[2.4] Trong đơn khởi kiện ông N trình bày việc mở và tu sửa con đường trong diện tích đất tranh chấp trị giá 460.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng).

Theo bản trích đo hiện trạng xác định diện tích con đường là **8.532,5m²** nằm trong diện tích **240.776,4m²**.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông B) trình bày: Con đường đi vào thửa đất có từ trước, đã qua nhiều lần khai thác rừng, xe chở gỗ vẫn đi trên con đường đó nên Tổng công ty Lâm nghiệp không đồng ý với ý kiến của Nguyên đơn về việc đầu tư mở đường.

Ông N, bà M trình bày: Toàn bộ diện tích diện tích **240.776,4m²** có tranh chấp với Tổng Công ty Lâm nghiệp là đất của vợ chồng ông bà được giao đất giao rừng và khai phá. Con đường nằm trong phần diện tích đất mà vợ chồng ông bà tự mở để phục vụ cho việc vận chuyển gỗ, việc làm đường chỉ thuê máy xúc múc, gạt đất chứ không có giấy tờ về việc mua nguyên vật liệu nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Do ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[2.5] Xác định toàn bộ cây rừng trên đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông và gia đình ông có quyền khai thác, sử dụng.

[2.5.1]: Như đã phân tích tại mục [2.3] thì các hợp đồng giao khoán giữa ông N và Công ty có hiệu lực pháp luật, cho nên, số cây trồng trên diện tích **9,85 ha** (theo hợp đồng số 20 ngày 4/2/2014; hợp đồng 18 ngày 6/6/2016; hợp đồng 143 ngày 6/10/2021) đất rừng tại thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xã HT do ông N đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty chưa đến thời kỳ khai thác theo thời hạn ghi trong hợp đồng thì ông bà vẫn phải thực hiện quyền và nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng đã ký kết. Đối với cây trồng trên diện tích của Công ty mà ông đã ký Hợp đồng giao khoán trồng rừng với Công ty và đã khai thác xong nhưng không thực hiện nghĩa vụ với Công ty theo các điều khoản của hợp đồng đã ký kết mà vẫn tiếp tục trồng mới thì phải khai thác, thu hoạch cây cối trên đất trả lại đất cho Tổng Công ty. Nếu có tranh chấp thì được khởi kiện vụ án khác.

[2.5.2]: Số cây trên diện tích **14,22ha** (Trong đó: 11,62 ha tại thửa 30 tờ bản đồ số 1; 1,22ha thửa số 3 bản đồ số 2; 1,38 ha ở thửa 401 tờ bản đồ số 3) ngoài giao khoán ông Đặng Văn N đang lấn chiếm tự đầu tư trên đất Công ty Lâm nghiệp Thái Nguyên, khi trồng cây Công ty không có ý kiến gì, tại phiên tòa phúc thẩm phía Công ty xác định số cây trên là của gia đình ông N. Nên ông N có quyền khai thác toàn bộ cây trên khi đến chu kỳ để trả lại đất cho Công ty, nếu hai bên không có thỏa thuận khác.

[2.6]: Về nội dung yêu cầu giám định hợp đồng giao khoán giữa gia đình ông Đặng Văn N và Công ty LN Việt Nam- Công ty cổ phần, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm phía ông N đều thừa nhận chữ ký trong bộ hợp đồng giao khoán đều là do ông ký, khi ký bản hợp đồng và các tài liệu khác đều đã có chữ in sẵn, nhưng ông cho rằng lúc ký thì người cho ký là ông T2 không cho ông đọc, ông nghĩ đó là giấy phép khai thác lâm sản. Tuy nhiên, ông không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh là ông bị ép ký, hay ký khống. Cho nên việc giám định hợp đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này là có căn cứ.

[2.7]: Về nội dung phía nguyên đơn và Luật sư của nguyên đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết khi có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái thẩm quyền và không đưa UBND tỉnh Thái Nguyên tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thấy: Ngày 23/12/2019 ông Đặng Văn N khởi kiện Công ty LN Việt Nam- Công ty cổ phần yêu cầu công nhận diện tích đất do Lâm trường giao và đất gia đình ông khai khẩn, ngoài ra còn yêu cầu tuyên hủy những GCNQSD đất của Công ty Lâm nghiệp Việt Nam. Với nội dung yêu cầu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ và xác định không có căn cứ rõ ràng thể hiện các quyết định cá biệt ban hành là trái pháp luật; UBND tỉnh Thái Nguyên có văn bản xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho Công ty LN Việt Nam là không trái pháp luật, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chuyển thẩm quyền đến Tòa án nhân dân cấp tỉnh, không triệu tập UBND tỉnh tham gia tố tụng và tiếp tục giải quyết là không trái với quy định của pháp luật cũng như giải đáp số 02/2016 và giải đáp số 01/2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

[2.8]: Đối với yêu cầu đưa UBND xã HT tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Hội đồng xét xử thấy rằng: UBND xã HT là cơ quan hành chính nhà nước, quá trình giải quyết vụ án UBND đã có văn bản trả lời, xác định đất tranh chấp giữa các hộ dân với Công ty. Do vậy, việc đưa UBND xã HT tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng là không phù hợp và cần thiết.

[2.9]: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông N có nộp một bản vi bằng nội dung phóng sự, theo ông N trình bày kênh của truyền hình nhân dân, nội dung liên quan đến việc giao đất giao rừng và ý kiến của ông trưởng phòng TNMT huyện Đồng Hỷ và ông N Phó chủ tịch xã HT, thấy rằng đây chỉ là tài liệu tham khảo, tài liệu trong hồ sơ thể hiện tại biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất 24/12/2010 thành phần gồm có Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, đại diện UBND xã HT, Công ty Ván Dăm... đã xác định vị trí, diện tích đất cụ thể.

[3] Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn cũng như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[4] Như vậy, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, để từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với thực tế và được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm bác phần cây trên đất lấn chiếm của phía nguyên đơn là chưa phù hợp. Bản án nhằm về số liệu nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Do bản án sơ thẩm bị sửa nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm sung quỹ Nhà Nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 5, 6, 7, 9, 51, 52, 75, 103, 104, 105, 107, 122, 123 Luật đất đai năm 2003; Điều 99, 203 Luật đất đai năm 2013; Các Điều 400, 401, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật Lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, Lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước; Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất nông nghiệp, đất rừng sản xuất và đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản trong các nông, lâm trường quốc doanh; Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 1991; Nghị định số 17/HĐBT ngày 17/01/1992 về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

I. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đặng Văn N. Sửa bản án sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 02/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N đề nghị công nhận 36,16 ha đất rừng (đo thực tế là **240.776,4 m²** tương đương **24,07 ha** đất trồng rừng) đất đã được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Một thành viên Ván Dăm Thái Nguyên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BA 866776 thửa đất số 30; tờ bản đồ số 1; (diện tích 21,47ha) và thửa số 2 (diện tích: **13.768,6 m²**); thửa số 401 tờ bản đồ số 3 (diện tích: **12.287,7 m²**) là diện tích Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Thuộc diện tích Công ty được giao tại Quyết định số 634UB.QĐ ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Bắc Thái về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước lâm trường Đồng Hỷ). Căn cứ theo bản đồ kiểm kê năm 2004 do sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên phê duyệt, hai vị trí trên thuộc lô 4 - hiện trạng IA và lô 5 - hiện trạng rừng 327, khoảnh 6, tiểu khu 413 (nay là tiểu khu 195) (có sơ đồ kèm theo).

2. Phần cây trên diện tích đất **9,85 ha** tại thửa số 30 tờ bản đồ số 1, xã HT thực hiện theo hợp đồng giao khoán giữa gia đình ông N với Công ty. Nếu có tranh chấp được khởi kiện vụ án khác.

3. Phần cây trên diện tích **14,22 ha** (Trong đó: 11,62 ha tại thửa 30 tờ bản đồ số 1; 1,22ha tại thửa số 3 tờ bản đồ số 2; 1,38 ha tại thửa 401 tờ bản đồ số 3) gia đình ông N lấn chiếm sử dụng, khi đến chu kỳ thu hoạch ông N, bà M phải thu hoạch để trả lại đất cho Công ty, nếu các bên không có thỏa thuận khác.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N đề nghị Hủy tất cả các hợp đồng giao khoán giữa gia đình ông và Công ty LN Việt Nam-Công ty cổ phần.

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn N đề nghị Hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 866776 của Tổng Công ty LN Việt Nam được UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15/2/2011.

6. Về chi phí tố tụng: ông N, bà M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 32.200.000 đồng (đã chi phí xong).

7. Về án phí:

7.1: Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn N bà Ngô Thị M liên đới chịu **75.339.752** đồng (*Bảy mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng*) án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

7.2: Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn N không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại ông N 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005396 ngày 18/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

II. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Lý